TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **118**/2025/HC-PT
Ngày: 11/02/2025
V/v: *"Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 328/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Ngọc L;

2. Bà Hà Thị Mai T;

3. Chị Nguyễn Thị Anh T1;

4. Anh Nguyễn Tuấn A;

Cùng địa chỉ: thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Đỗ Thanh L1; địa chỉ: P, Tòa V, 5 Hồ T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B;

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trương Văn C, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; vắng mặt.

2. Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; vắng mặt.

* Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, B tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện là ông Đỗ Thanh L1 trình bày:

Theo Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ, thành phố B số 9645/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố B thì hộ Nguyễn Ngọc L có thửa đất số 226 tờ bản đồ số 6, diện tích 420m2 trong đó có 400m2 thổ cư và bị U thu hồi hết thửa đất.

Ông Nguyễn Ngọc L là người bị thu hồi 506m2 (100 m2 đất ở, 406 m2 đất trồng cây hàng năm) hết thửa đất số 59-1 (theo GCNQSD đất là thửa đất số 129, tờ bản đồ số 06).

Về việc bồi thường đất ở, cho tới nay U và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B mới bồi thường cho hộ ông Nguyễn Ngọc L 2 thửa đất (số 1812, 1813 tờ bản đồ số 17) với tổng diện tích là 288m2, còn thiếu 122m2 so với tổng diện tích đất thổ cư (400m2) hộ bị thu hồi. Trong khi đó hộ chỉ có duy nhất 400m2 đất ở này, không còn đất ở nào khác. Đối với đất của ông Nguyễn Ngọc L, U chưa có quyết định giao, bồi thường bằng đất ở nào. Ông Nguyễn Ngọc L tại thời điểm bị thu hồi đất cũng không còn đất ở.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019), Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì ông Nguyễn Ngọc L và hộ ông Nguyễn Ngọc L đủ điều kiện để được giao thêm đất tái định cư.

Vì vậy, ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Anh T1 khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B về việc không giao thêm đất tái định cư cho ông Nguyễn Ngọc L và hộ ông Nguyễn Ngọc L là trái pháp luật.

- Buộc UBND thành phố Buôn Ma T3 giao đất cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc L 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật, giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Buộc UBND thành phố B giao đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc L (gồm ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Anh T1) 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật, giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ.

2. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B:

Khi thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B thì hộ ông Nguyễn Ngọc L bị thu hồi 907,1m2. Trong đó: Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 6 với diện tích 420m², có 400m² đất ở (đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc L); Thửa đất số 59-1, tờ bản đồ số 45 với diện tích 506m², trong đó có 100m² đất ở (đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc L).

Ngày 31/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9645/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Ngọc L khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B.

Sau khi UBND thành phố B ban hành Quyết định về việc thu hồi đất với đối tượng bị thu hồi đất là hộ ông Nguyễn Ngọc L đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 6 với diện tích 420m², có 400m² đất ở; Thửa đất số 59-1, tờ bản đồ số 45 với diện tích 506m², trong đó có 100m² đất ở thì không nhận phản hồi hay ý kiến gì của hộ ông L về đối tượng bị thu hồi đất tại quyết định nói trên.

Hộ ông Nguyễn Ngọc L bị thu hồi hết đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H nên đủ điều kiện được giao đất tái định cư. Hộ ông L có 2 cặp vợ chồng, gồm 7 nhân khẩu đang ở trên đất thu hồi (biên bản ngày 16/10/2021).

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định: "Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, đủ điều kiện để tách thành những hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở bị thu hồi, căn cứ vào nhu cầu và quỹ đất của địa phương UBND cấp huyện xem xét giao thêm một thửa đất có thu tiền sử dụng đất."

Ngày 31/12/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp cùng các phòng ban liên quan mời các hộ dân tham gia chọn vị trí tái định cư tại các quỹ đất trên địa bàn thành phố nhưng các hộ không đồng ý bốc lô tại thời điểm này mà có nguyện vọng chờ Khu tái định cư T, xã H xây dựng xong cơ sở hạ tầng sẽ nhận đất tái định cư và thực hiện nghĩa vụ tài chính tại thời điểm có quyết định giao đất (thời điểm này Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ đang có hiệu lực).

Sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại Khu tái định cư T, xã H, thành phố B, ngày 31/3/2022 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp cùng các phòng ban liên

quan mời hộ ông L tham gia bốc thăm chọn lô tái định cư. Qua đó, hộ ông L đồng ý bốc 2 lô tại Khu tái định cư T, xã H với diện tích là 288m2.

Ngày 06/6/2022, UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 5765; 5766/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc L (vì Quyết định thu hồi đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc L).

Việc UBND thành phố B đã giao cho hộ ông Nguyễn Ngọc L 02 thửa đất với diện tích 288m2 là đúng quy định. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của hộ ông Nguyễn Ngọc L cũng như cá nhân ông L.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 05/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Nguyễn Ngọc L (gồm ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Anh T1 và cá nhân ông Nguyễn Ngọc L).

Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B về việc không giao thêm đất tái định cư cho ông Nguyễn Ngọc L và hộ ông Nguyễn Ngọc L là trái pháp luật.

- Buộc UBND thành phố Buôn Ma T3 giao đất cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc L 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật, giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Buộc UBND thành phố B giao đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc L (gồm ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Anh T1) 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật, giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ nội dung khởi kiện của các ông, bà Nguyễn Ngọc L, Hà Thị Mai T, Nguyễn Thị Anh T1 và Nguyễn Tuấn A.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 22/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người bị kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, người khởi kiện, đại diện người khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt; đại diện người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về tố tụng:

Để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B, cùng ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành các quyết định hành chính: Quyết định số 9645/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B; Quyết định số 9639/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H - Đ). Vì chưa hoàn thiện được cơ sở hạ tầng nên tại Quyết định số 9639/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân thành phố B mới chỉ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giá trị đất và các vật, công trình kiến trúc, tài sản trên đất mà chưa phê duyệt phương án tái định cư. Cùng ngày 06/6/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5765/QĐ-UBND và Quyết định số 5766/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ Nguyễn Ngọc L, trong đó giao cho hộ ông L 02 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất với tổng diện tích 288m2. Không đồng ý với nội dung này, ông Nguyễn Ngọc L có đơn khiếu nại và được Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố B trả lời tại Công văn số 21/CV-TTPTQĐ ngày 27/02/2023 với nội dung "Khi có chủ trương của UBND tỉnh Đ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ thông báo cho gia đình Ông.". Ngày 08/01/2024, ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, chị Nguyễn Thị Anh T1 và anh Nguyễn Tuấn A có đơn khởi kiện, sau đó là đơn khởi kiện bổ sung, đơn trình bày yêu cầu buộc UBND thành phố B phải giao thêm 01 lô đất tái định cư cho hộ ông L và 01 lô đất tái định cư cho cá nhân ông L theo quy định của pháp luật. Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn được quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Ngày 28/11/1995, hộ ông Nguyễn Ngọc L được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 6 diện tích 420m2, trong đó có 400m2 đất thổ cư và 20m2 đất trồng cây hàng năm khác tại xã H, thành phố B. Ngày 19/3/2011, cá nhân ông Nguyễn Ngọc L được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất, theo đó

ông L được tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 6, diện tích 605,4m2, trong đó 100m2 đất ở tại nông thôn và 505,4m2 đất trồng cây hằng năm tại xã H, thành phố B.

Trong quá trình thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B, hộ ông Nguyễn Ngọc L và cá nhân ông L có đất nằm trong phạm vi bị thu hồi để thực hiện Dự án. Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 9645/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B, cụ thể: thu hồi đất hộ Nguyễn Ngọc L, diện tích 907,1m2 trong đó: thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ 60, diện tích 401,1m2 (400m2 đất ở, 1,1m2 đất trồng cây hàng năm); thuộc thửa đất số 59-1, tờ bản đồ số 45, diện tích 506m2 (100m2 đất ở, 406m2 đất trồng cây hàng năm) tại xã H, thành phố B.

Để có căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh. Tại Biên bản xác minh ngày 16/10/2021 về việc xác định chỗ ở và nhân khẩu trong hộ hiện nay đang sinh sống trên vị trí đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình đường Đ, thành phố B (BL 72) xác định: hộ ông Nguyễn Ngọc L bị thu hồi hết đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H, thành phố B nên đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên, thời điểm hộ ông L bị thu hồi đất (ngày 31/12/2021), do chưa đầu tư xong cơ sở hạ tầng và chưa có phê duyệt bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ nên UBND thành phố B chỉ ban hành Quyết định số 9639/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H - Đ 13), trong đó có hộ ông L, để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giá trị đất và các vật, công trình kiến trúc, tài sản trên đất mà chưa phê duyệt phương án tái định cư. Để giao đất cho hộ dân có đất bị thu hồi đúng với quy định, UBND thành phố B đã có văn bản báo cáo xin ý kiến của UBND tỉnh Đ về việc áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 4 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (BL 87). Tại Công văn số 9109/UBND-NNMT ngày 24/10/2022, UBND tỉnh Đ đã trả lời nội dung xin ý kiến của UBND thành phố B như sau: "Thống nhất việc UBND thành phố B căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh để quyết định phê duyệt phương án tái định cư đối với dự án Đường Đ thành phố B, đoạn qua địa bàn xã H.".

Theo đó, điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định:

"Trường hợp thu hồi hết diện tích đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà hộ gia đình cá nhân không còn đất ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được

giao 01 (một) thửa đất ở tại nơi tái định cư. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất, trường hợp diện tích thu hồi lớn hơn diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi".

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, hộ ông Nguyễn Ngọc L bị thu hồi 400m2 đất ở tại thửa đất số 46, tờ bản đồ 60 (theo Quyết định số 9645/QĐ-UBND ngày 31/12/2021) nhưng chỉ được giao 02 lô đất tái định cư với tổng diện tích 288m2 (theo các Quyết định số 5765/QĐ-UBND và số 5766/QĐ-UBND cùng ngày 06/6/2023), như vậy diện tích thu hồi và diện tích giao tái định cư chưa tương ứng, hộ ông L còn thiếu 112m2 diện tích tái định cư so với diện tích đất đã bị thu hồi nên hộ ông L phải được giao thêm 01 lô tái định cư theo quy định. Đối với cá nhân ông Nguyễn Ngọc L, ông L bị thu hồi 100m2 đất ở tại thửa đất số 59-1, thuộc tờ bản đồ số 45 (theo Quyết định số 9645/QĐ-UBND ngày 31/12/2021). Như nhận định ở trên, ông L đủ điều kiện để được bồi thường về đất nên cá nhân Ông được bố trí 01 lô tái định cư có thu tiền sử dụng đất tương ứng với diện tích đất đã thu hồi. Việc UBND thành phố B đã xin ý kiến của UBND tỉnh Đ về việc áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ để giao đất tái định cư cho các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B và đã được UBND tỉnh chấp thuận nhưng không giao thêm đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc L và cá nhân ông Nguyễn Ngọc L là trái với quy định của pháp luật.

[3]. Từ các nhận định tại mục [2] nêu trên của bản án, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải giao thêm 01 lô đất tái định cư cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc L và 01 lô đất tái định cư cho hộ ông Nguyễn Ngọc L là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 05/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Nguyễn Ngọc L (gồm ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Anh T1 và cá nhân ông Nguyễn Ngọc L).

Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B về việc không giao thêm đất tái định cư cho ông Nguyễn Ngọc L và hộ ông Nguyễn Ngọc L là trái pháp luật.

- Buộc UBND thành phố B giao cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc L 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật, giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Buộc UBND thành phố B giao cho hộ ông Nguyễn Ngọc L (gồm ông Nguyễn Ngọc L, bà Hà Thị Mai T, anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Anh T1) 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật, giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ.

3. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014039 ngày 27/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ủy ban nhân dân thành phố B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Đức Kiên